MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 1 tháng 10

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú.
2. Địa chỉ: Khu phố Thiện Tân, phường Trảng Dài, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế: 15.000 m^3/ngày đêm.

Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …

4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Đồng Nai.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 19 tháng 10 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 5 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa CNCN Thạnh Phú - khu phố Thiện Tân, phường Trảng Dài.	Nhà dân - khu phố Thiện Tân, phường Trảng Dài.	Trạm giao dịch Thạnh Phú.	Nhà dân – khu phố Bình Hoà, phường Tân Triều.	UBND phường Tân Triều – Số 657 ĐT768, khu phố Bình Thạnh, phường Tân Triều.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	KPH	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.82	0.35	0.30	0.53	0.30	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.57	0.28	0.25	0.51	0.39	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.74	0.30	0.30	2.37	0.81	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.85	6.85	7.04	7.06	6.92	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.90	0.96	0.51	0.51	0.70	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 1 tháng 10

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.
2. Địa chỉ: Số 329, tổ 2, KP21, phường Long Bình, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế: 305.000 m^3/ngày đêm.
   Tổng số dân được cung cấp nước: …
4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Đồng Nai.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 19 tháng 10 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 24 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa trạm Thiện Tân – Số 329, tổ 2, KP21, phường Long Bình.	UBND phường Trảng Dài – Số 462 Bùi Trọng Nghĩa, phường Trảng Dài.	Bể chứa trạm Nhơn Trạch - Số 327, tổ 2, KP21, phường Long Bình.	Công an thành phố Đồng Nai – KCN Biên Hoà I, phường Trấn Biên.	Tăng áp KCN Biên Hòa II - KCN Biên Hòa II, phường Trấn Biên.	Đầu vào KCN Hố Nai – phường Hố Nai.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.81	0.34	0.66	0.58	0.53	0.72	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.19	0.20	0.30	0.22	0.28	0.20	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.44	0.44	0.67	0.52	0.37	0.15	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.89	7.19	6.93	7.13	7.00	6.94	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.65	1.10	0.65	0.64	1.02	0.70	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Đồng hồ điện từ D500, KCN Amata, phường Long Bình.	Trụ cứu hỏa số 1, KCN Loteco, phường Long Bình.	Công an phường Tam Hiệp – Số 42 Lê Thoa, phường Tam Hiệp.	Nhà dân - Số 60 đường Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp.	Nhà dân – Số 13D3, KP. Bình Dương, phường Long Hưng.	Phòng khám đa khoa nhi Sài Gòn – Số 185 đường Phan Trung, phường Tam Hiệp.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	0.00045	0.00049	0.00049	0.00048	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.69	0.50	0.28	0.47	0.50	0.56	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.19	0.39	0.25	0.20	0.21	0.24	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.30	0.67	0.67	0.52	0.44	0.52	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.77	6.97	7.29	6.90	6.90	6.90	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.58	0.83	0.77	0.71	0.65	0.97	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Tổng công ty Sonadezi – Số 1, đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường Trấn Biên.	Đồng hồ D400, trạm bơm tăng áp Sonadezi Long Bình – KCN Biên Hòa 2, phường Trấn Biên.	Nhà dân – Số 201, QL15, phường Long Bình.	Đồng hồ D300 KCN Giang Điền, phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai.	Đồng hồ D300, KCN Bàu Xéo, phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai.	Nhà dân - số 161G, đường 3/2, phường Trảng Bom, thành phố Đồng Nai.	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	0.00053	0.00041	KPH	0.00049	0.00057	0.00045	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.42	0.61	0.20	0.67	0.41	0.28	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.24	0.20	0.24	0.24	0.20	0.24	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.44	0.44	0.81	0.22	0.22	0.30	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.96	6.88	6.96	7.08	7.20	7.01	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.65	0.71	0.77	0.65	0.58	0.71	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Công an phường Trảng Dài– Số 246 đường Bùi Trọng Nghĩa, phường Trảng Dài.	Trạm y tế phường Long Bình – Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Long Bình.	Trung tâm hành chính công phường Tam Hiệp – Số 147 đường Trần Quốc Toản, KP3, phường Tam Hiệp.	Bệnh viện 7B – Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tam Hiệp.	Bệnh viện tâm thần TW2 - Đường Nguyễn Ái Quốc, phường Tân Triều.	Nhà dân – Số 12A18, đường Trần Quốc Toản, phường Trấn Biên.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	0.00054	0.00041	0.00045	0.00051	0.00047	0.00047	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.90	0.41	0.35	0.60	0.65	0.58	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.29	0.18	0.32	0.24	0.40	0.23	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	0.52	0.67	0.59	0.44	1.04	0.37	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.98	7.21	6.98	7.19	6.85	6.90	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	1.02	0.58	0.64	0.51	0.70	0.70	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 1 tháng 10

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Long Bình.
2. Địa chỉ: Tổ 8, KP22, phường Long Bình, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế:

- Trạm Long Bình: 36.000 m^3/ngày đêm. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …
- Khu xử lý Vĩnh An: 10.000 m^3/ngày đêm. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: …

4. Nguồn nước nguyên liệu:

- Trạm Long Bình sử dụng nước mặt sông Đồng Nai.
- Khu xử lý Vĩnh An sử dụng nước hồ Trị An.

5. Thời gian kiểm tra: ngày 19 tháng 10 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 5 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	Bể chứa CNCN Long Bình - Tổ 8, KP22, phường Long Bình.	Nhà dân – E2, đường Yết Kiêu, phường Long Bình.	Tăng áp Thiện Tân 2 - Đường Điểu Xiển, phường Long Bình.	Nhà dân - Hẻm 313 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình.	Nhà dân – Số 91 đường QL1A, phường Hố Nai.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	KPH	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.56	0.61	0.75	0.30	0.33	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.74	0.32	0.23	1.62	0.70	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.55	0.52	0.30	2.44	1.33	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.03	6.92	6.97	6.87	6.97	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.77	0.65	0.77	1.02	0.83	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm

MẪU SỐ 05

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VILAS 1082

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
Tuần 1 tháng 10

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Chi nhánh cấp nước Biên Hoà.
2. Địa chỉ: Số 48 đường Cách mạng tháng 8, phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai.
3. Công suất thiết kế: 36.000 m^3/ngày đêm.
   Tổng số dân được cung cấp nước: …
4. Nguồn nước nguyên liệu: Nước mặt sông Đồng Nai.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 19 tháng 10 năm 2026
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chi Mai.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

- 8 mẫu do phòng Quản lý chất lượng nước thực hiện.
- Vị trí lấy mẫu tại bể chứa và mạng phân phối nước.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Hồ sơ theo dõi phân tích.
- Phiếu kiểm nghiệm chất lượng nước của Phòng quản lý chất lượng nước.

MẪU SỐ 05

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	CNCN Biên Hòa – Số 48 đường Cách mạng tháng 8, phường Trấn Biên.	Nhà dân - Hẻm 176 đường Phan Đình Phùng, phường Trấn Biên.	Nhà dân – F1, hẻm 120, đường Hà Huy Giáp, phường Trấn Biên.	Ban chỉ huy quân sự phường Trấn Biên – Số 86, Nguyễn Văn Hoa, phường Trấn Biên.	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/ không đạt)
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	/	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.59	0.62	0.61	0.30	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.70	0.41	0.24	0.20	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.55	0.89	0.44	0.52	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	6.89	6.72	6.95	6.88	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.58	1.10	1.03	0.52	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

MẪU SỐ 05

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu / Các thông số	UBND phường Trấn Biên – Số 76, Hưng Đạo Vương, phường Trấn Biên.	Nhà dân – Đường Đỗ Văn Thi, khu phố Nhị Hòa, phường Trấn Biên.	Nhà dân – Đường D5/ Võ Thị Sáu, phường Trấn Biên.	Nhà dân – Số 122 đường CMT8, phường Trấn Biên.	**Giới hạn tối đa cho phép**	**Đánh giá (đạt/ không đạt)**
1	Coliform tổng số (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
2	E.coli (MPN/100ml hoặc CFU/100ml)	0	0	0	0	<1	Đạt
3	Arsenic (mg/l)	/	/	/	0.00041	0.01	Đạt
4	Clo dư tự do (*) (mg/l)	0.30	0.58	0.33	0.80	0.2-1.0	Đạt
5	Độ đục (NTU)	0.61	0.23	0.29	0.48	2	Đạt
6	Màu sắc (TCU)	1.78	0.74	0.74	0.81	15	Đạt
7	Mùi	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
8	pH	7.14	6.94	7.03	6.71	6.0-8.5	Đạt
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/l)	0.58	0.51	0.64	0.51	2	Đạt
10	Hàm lượng Amoni (mg/l)	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	< LOQ *(LOQ=0.039)*	1	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Dấu (/) không thực hiện.

MẪU SỐ 05

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Trấn Biên, ngày 20 tháng 10 năm 2026

TUQ. GIÁM ĐỐC

PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đặng Thị Tâm